

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/20198/KDTM- ST

Ngày 30/09/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trung Dũng

2. Ông Hoàng Minh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-KDTM ngày 17/03/2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX- KDTM ngày 02/07/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ**

Trụ sở tại: Số 22 đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Lô A2.1 đường 30/4, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Thúy H– Chức vụ: Chuyên viên tố tụng. Theo văn bản ủy quyền số 1066/UQ-PVB ngày 04/02/2020. Có mặt.

*** Bị đơn: Công ty TNHH D** – Địa chỉ đăng ký: 126/30 đường N, phường A. Quận S, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ trụ sở: Số 118 đường D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: bà Dương Thị Hữu P – Chức vụ: Giám đốc – Chỗ ở hiện tại: 97/21 D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/2/2020, tại bản trình bày và tại phiên tòa bà Lê Thị Thúy H đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Đối với hợp đồng tín dụng:

Ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ và Công ty TNHH D ký kết Hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN, với các nội dung cụ thể như sau: Công ty TNHH D vay số tiền vay: 450.000.000 đồng. (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn*), thời hạn cho vay là 72 tháng từ 30/06/2017 đến ngày 30/06/2024, mục đích sử dụng vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô Honda City 1.5V-CVT phục vụ mục đích đi lại cho bên Vay, lãi suất trong hạn được ghi nhận chi tiết tại KUNN số 01 ngày 30/06/2017, lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu tiên là 8,49 %, lãi suất tại các kỳ điều chỉnh tiếp theo là LS13+Biên độ 4%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả lãi: 10%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng, mỗi kỳ 1 tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 20/07/2017, số tiền mỗi kỳ 6.250.000 đồng/kỳ.

Hợp đồng thế chấp

Để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ tài chính đối với PVcomBank, Công ty TNHH D đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là xe ô tô con nhãn hiệu Honda City 1.5V-CVT, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040157 do Phòng cảnh sát Giao thông – Công An Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 29/06/2017, đăng ký lần đầu ngày 29/06/2017 cho Công ty TNHH D, để thế chấp tại PVcomBank theo Hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐBĐ/PVB-CNĐN ngày 30/06/2017.

Sau khi ký hợp đồng thế chấp, Công ty D tiếp tục quản lý, sử dụng TSBD. PVcomBank chỉ quản lý Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040157.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, PVcomBank đã thực hiện giải ngân 01 lần cho Công ty TNHH D số tiền 450.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) vào tài khoản số 0041000581485 của Công ty cổ phần ô tô V tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – CN Đà Nẵng theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/06/2017.

Công ty TNHH D cũng đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán hàng tháng theo Hợp đồng cho vay 201 cho PVcomBank. Theo đó, tổng số tiền Công ty TNHH D đã thanh toán cho PVcomBank tính đến hết ngày 12/02/2020 là 254.952.856 đồng, trong đó tiền gốc đã thanh toán là 164.183.040 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là 90.769.816 đồng.

Sau thời điểm PVcomBank nộp đơn khởi kiện, ngày 02/06/2020, Công ty TNHH D đã thanh toán số tiền 10.000.000 đồng, trong đó tiền gốc trả là 5.953.674đ và tiền lãi là 4.046.326đ.

Theo đó, tính đến ngày 24/09/2020, Công ty TNHH D đã thanh toán tổng số tiền là: 264.952.856 đồng, trong đó tiền gốc đã thanh toán là 170.136.714 đồng; số tiền lãi đã thanh toán là 94.816.142 đồng.

Và kể từ kỳ trả nợ ngày 20/09/2019, Công ty TNHH D đã vi phạm nghĩa vụ

thanh toán theo Hợp đồng cho vay 201. Tính đến hết ngày 29/09/2020 của Công ty TNHH D còn nợ PVcomBank số tiền là 319.333.559 đồng, trong đó nợ gốc 279.863.286 đồng, nợ lãi 39.470.273 đồng.

P đã nhiều lần có văn bản đề nghị thanh toán và bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý nợ tại các công văn số 639; 640 ngày 21/08/2019 và công văn số 696; 697 ngày 09/09/2019 cũng như trực tiếp trao đổi, làm việc với bà Dương Thị Hữu P – Giám đốc Công ty TNHH D. Tuy nhiên đến nay Công ty TNHH D vẫn không thực hiện việc tắt toán khoản nợ cho P cũng như không thực hiện việc bàn giao tài sản bảo đảm cho PVcomBank để xử lý.

Do đó, P đã khởi kiện đối với Công ty TNHH D để đề nghị Tòa án:

1/ Buộc Công ty TNHH D phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 29/09/2020 là 319.333.559 đồng, trong đó nợ gốc 279.863.286 đồng, và nợ lãi 39.470.273 đồng.

2/ Buộc Công ty TNHH D phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN kể từ ngày 30/09/2020 cho đến khi tắt toán khoản vay.

3/ Trường hợp Công ty TNHH D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Honda City 1.5V-CVT biển kiểm soát 43A-278.02, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040157 do Phòng cảnh sát Giao thông – CA TP Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2017 đứng tên Công ty TNHH D theo Hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐBĐ/PVB-CNĐN ngày 30/06/2017 để thanh toán khoản nợ của Công ty TNHH D tại P.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn nhưng Công ty TNHH D không có văn bản phản hồi.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập, thông báo hòa giải và quyết định xem xét thẩm định tại chỗ cho bị đơn là Công ty TNHH D tại các địa chỉ 126/30 đường N, phường A. Quận S, thành phố Đà Nẵng, số 118 đường D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng và số 97/21 D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng để các bên đương sự tham gia phiên hòa giải và tham gia các buổi xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho các bên đương sự được cũng như không thể xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang thế chấp.

Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn là Công ty TNHH D vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với Công ty TNHH D cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Ngày 30/6/2017, Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D) đã ký kết Hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN với Ngân hàng TMCP Đ với nội dung:

- Số tiền vay: 450.000.000 đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).
- Thời hạn cho vay: 72 tháng (Từ ngày 30/6/2017-30/6/2024).
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô Honda City 1.5V-CVT để phục vụ nhu cầu đi lại của bên vay.

- Lãi suất:

+ Lãi suất trong hạn: 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân.
Điều chỉnh biên độ lãi theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Kỳ hạn trả nợ: Ngày 20 hàng tháng.

Và các thỏa thuận khác về lãi phạt, phạt vi phạm theo Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp: Xe ô tô con nhãn hiệu Honda City 1.5V-CVT, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040157 do Phòng cảnh sát Giao thông – CA TP Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2017 đứng tên Công ty TNHH D, theo Hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 đã được thực hiện ký kết, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Công Ty D đã thanh toán số tiền tạm tính đến ngày khởi kiện vụ án 12/02/2020 là 304.124.650 đồng trong đó gốc 285.816.960 đồng, tiền lãi 18.307.690 đồng. Tuy nhiên từ ngày 20/09/2019, Công ty Dương Việt Thành đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo đó số dư tạm tính đến ngày 12/02/2020 là 304.124.650 đồng, trong đó nợ gốc là: 285.816.960 đồng, nợ lãi: 18.307.690 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng trình bày vào ngày 12/6/2020 Công ty TNHH D có trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000đ, trong đó tiền gốc trả là 5.953.674đ và tiền lãi là 4.046.326đ.

Nên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH D đến ngày 29/9/2020 là 319.333.559đ, trong đó tiền gốc là 279.863.286đ, tiền lãi là 31.166.130đ, tiền phạt trên gốc quá hạn 6.708.276đ, phạt trên lãi quá hạn là 1.595.867đ. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên căn cứ vào Điều 244 BLTTDS có cơ sở chấp nhận về việc thay đổi.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Phía Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 201 ký kết ngày 26/7/2017 nên căn cứ vào Điều 463, Điều 466; Khoản 2 Điều 292; Điều 293 của BLDS 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ. Tuyên buộc:

- Công ty D phải trả cho Ngân hàng Đ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là: 319.333.559đ, trong đó tiền gốc là 279.863.286đ, tiền lãi là 31.166.130đ, tiền phạt trên gốc quá hạn 6.708.276đ, phạt trên lãi quá hạn là 1.595.867đ.

- Công ty D phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 201 cho công ty thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng Đại chúng Việt Nam.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền tự xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại đối với tài sản thế chấp là xe ô tô Honda City 1.5V-CVT, BKS 43A-278.02 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040157 do Phòng cảnh sát Giao thông – CA TP Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2017 đứng tên Công ty TNHH D, theo Hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 để thanh toán khoản nợ của Công ty D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 thì các bên đương sự lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết là nơi có trụ sở của Nguyên đơn, trụ sở của Nguyên đơn tại lô A2.1 đường 30/4, phường H, quận H, TP. Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là Công ty TNHH D và người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức hợp đồng

Hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH D và khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/06/2017.

Hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH D

Hai hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và khế ước nhận nợ nói trên đã tuân thủ đúng về điều kiện và hình thức hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, Điều 398 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên đã tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Về nội dung hợp đồng:

Theo hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH D và khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/06/2017 thì Ngân hàng TMCP Đ đã cho Công ty TNHH D vay số tiền là 450.000.000 đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn*), thời hạn cho vay là 72 tháng từ ngày 30/6/2017 đến ngày 30/6/2024, mục đích sử dụng vốn là thanh toán tiền mua xe ô tô Honda City 1.5V-CVT để phục vụ nhu cầu đi lại của bên vay, lãi suất trong hạn là 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân được điều chỉnh biên độ lãi theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ là vào ngày 20 hàng tháng và các thỏa thuận khác về lãi phạt, phạt vi phạm theo Hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 12/02/2020 Công ty TNHH D đã thanh toán tổng số tiền là 304.124.650 đồng trong đó gốc 285.816.960 đồng, tiền lãi 18.307.690 đồng. Do vậy, Ngân hàng đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH D tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để yêu cầu Công ty TNHH D thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại và lãi tiếp tục được tính cho đến khi Công ty TNHH D thanh toán hết số nợ.

Sau khi khởi kiện đến ngày 12/6/2020 Công ty TNHH D có trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000đ, trong đó tiền gốc trả là 5.953.674đ và tiền lãi là 4.046.326đ.

Nên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH D tính đến ngày 29/9/2020 Công ty TNHH D còn nợ số tiền là 319.333.559đ (Ba trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 279.863.286đ, tiền lãi là 31.166.130đ, tiền phạt trên gốc quá hạn 6.708.276đ, phạt trên lãi quá hạn là 1.595.867đ và lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi Công ty TNHH D thanh toán hết nợ.

Vi Công ty TNHH D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH D. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ đối với Công ty TNHH Dương Việt Thành là có cơ sở, căn cứ vào Điều 463, Điều 466; Khoản 2 Điều 292; Điều 293 của Bộ luật dân sự HĐXX buộc:

- Công ty TNHH Dương Việt Thành phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2020 là 319.333.559đ (Ba

trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 279.863.286đ, tiền lãi là 31.166.130đ, tiền phạt trên gốc quá hạn 6.708.276đ, phạt trên lãi quá hạn là 1.595.867đ.

- Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi Công ty TNHH D thanh toán hết nợ theo hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH D.

[2.3] Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/06/2017, Công ty TNHH D đã thế chấp tài sản là xe ô tô con nhãn hiệu Honda City 1.5V-CVT biển kiểm soát 43A-278.02, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040157 do Phòng cảnh sát Giao thông – CA TP Đà Nẵng cấp ngày 29/6/2017 đứng tên Công ty TNHH theo hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐBĐ-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017.

Theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng thế chấp nếu Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô Honda City 1.5V-CVT, BKS 43A-278.02 theo Hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 nhằm thu hồi nợ cho Ngân hàng. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Đ là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

[3] Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn là Công ty TNHH D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền cụ thể $319.333.559 \times 5\% = 15.966.677\text{đ}$.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận

Vì các lẽ trên quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466; Khoản 2 Điều 292; Điều 293 của Bộ luật dân sự - Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tín dụng
- Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với Công ty TNHH D

Xử:

Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2020 là 319.333.559đ (Ba trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 279.863.286đ, tiền lãi là 31.166.130đ, tiền phạt trên gốc quá hạn 6.708.276đ, phạt trên lãi quá hạn là 1.595.867đ.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi Công ty TNHH D thanh toán hết nợ theo hợp đồng cho vay số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017 và khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH D.

Trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô Honda City 1.5V-CVT, BKS 43A-278.02 theo Hợp đồng thế chấp số 201/2017/HĐTD-PVB-CNĐN ngày 30/6/2017.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH D phải chịu với số tiền là 15.966.677đ. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.603.116đ theo biên lai số 0008931 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu- TP Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được hoặc niêm yết trích sao bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba